



jí zhěn shì
急诊室

noun · emergency room

Example Sentences

Tā shòu shāng hòu bèi lì kè sòng jìn le jí zhěn shì
他受伤后被立刻送进了急诊室。

He was sent to the emergency room
immediately after being injured.

Jí zhěn shì lǐ yǒu hěn duō yī shēng hé hù shì
急诊室里有很多医生和护士。

There are many doctors and nurses in the
emergency room.

Trace each character, then write the word on your own.

急	急	急	急	急	急	急	急	急	急	急
急										

诊	诊	诊	诊	诊	诊	诊	诊	诊	诊	诊

室	室	室	室	室	室	室	室	室	室	室
室										